

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thu P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 05 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Lâm Thị Thu P trình bày:

Bà Lâm Thị Thu P với ông Trần Ngọc H tổ chức cưới năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 05/12/2007 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình

chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thiên H1, sinh ngày 05/4/2009 và Trần Ngọc M, sinh ngày 28/02/2020, hiện nay 02 con đang sống chung với bà P. Khi ly hôn bà P yêu cầu nuôi 02 con, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật tính từ ngày làm đơn khởi kiện là ngày 05/4/2024 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trần Ngọc H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông H vắng mặt phiên tòa, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà P được ly hôn với ông H. Về con chung: Đề nghị giao cho bà P được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Thị Thiên H1, sinh ngày 05/4/2009 và Trần Ngọc M, sinh ngày 28/02/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.725.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Lâm Thị Thu P và bị đơn ông Trần Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu P và ông Trần Ngọc H tự nguyện tổ chức cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Thu P và ông Trần Ngọc H là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà P và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hàn gắn được dẫn đến bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà P và

ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: Bà P và ông H có 02 con chung là Trần Thị Thiên H1, sinh ngày 05/4/2009 và Trần Ngọc M, sinh ngày 28/02/2020, hiện đang sống chung với bà P. Xét thấy, hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà P, bà P cũng yêu cầu được quyền nuôi 02 con. Do đó, nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung thì cần thiết giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông H được quyền thăm nom 02 con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, bà P yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật. Về mức cấp dưỡng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Do các bên không chứng minh được nguồn thu nhập và không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định thì mức cấp dưỡng thấp nhất là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng, tại thời điểm xét xử huyện M thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ là 3.450.000 đồng. Vì vậy, mức cấp dưỡng cần buộc bị đơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.725.000 đồng/con chung. Về thời gian cấp dưỡng: Bà P yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày làm đơn khởi kiện là ngày 05/4/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà P không thể hiện rõ thời điểm ông H không sống chung với con từ thời gian nào nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Do đó, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lâm Thị Thu P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Trần Ngọc H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Thu P đối với bị đơn ông Trần Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu P được ly hôn với ông Trần Ngọc H.
2. Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị Thu P được quyền trực tiếp nuôi hai con chung là Trần Thị Thiên H1, sinh ngày 05/4/2009 và Trần Ngọc M, sinh ngày 28/02/2020 cho đến khi các con chung Trần Thị Thiên H1 và Trần Ngọc M đủ 18 tuổi. Ông Trần Ngọc H được quyền thăm nom các con chung Trần Thị Thiên H1 và Trần Ngọc M, không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Trần Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Trần Thị Thiên H1, sinh ngày 05/4/2009 và Trần Ngọc M, sinh ngày 28/02/2020 mỗi cháu là 1.725.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi hai con chung là Trần Thị Thiên H1 và Trần Ngọc M đủ 18 tuổi. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị Thu P và ông Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
6. Về án phí: Bà Lâm Thị Thu P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Tòa án số 0004670 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Lâm Thị Thu P đã nộp xong. Ông Trần Ngọc H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.
7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
8. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Tài Văn, huyện Trần Đề
(Theo GCNKH số 99 ngày 05/12/2007);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến